|  |  |
| --- | --- |
| TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**BAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
|  **\*** |  *Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2023* |
| Số -TTr/BCS |  |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định**

**chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và**

**mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

 Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020 và các văn bản, quy định có liên quan;

Căn cứ Quy chế làm việc số 22-QC/TU ngày 23/3/2023 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ban Cán sự đảng UBND tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi là Nghị định số 33), có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2023; theo đó, tại khoản 3 Điều 34 quy định: *“Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này[[1]](#footnote-1); nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:*** ***a)****Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;* ***b)****Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;* ***c)****Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; quy định cụ thể* *mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã;* *mức hỗ trợ hàng tháng* *đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và* *mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương”*.

 Do vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật nhằm thay thế Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây gọi là Nghị quyết số 20)* và Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây gọi là Nghị quyết số 39);* kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn về thực hiện mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Nghị quyết ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020 và các văn bản có liên quan;

Nội dung và mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức hỗ trợ, mức khoán kinh phí hoạt động phải tạo động lực thúc đẩy người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tích cực tham gia và an tâm công tác.

Phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi, điều kiện thực tiễn tại địa phương, thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật và tình hình ngân sách của tỉnh.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị chấp thuận xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 11/07/2023. Thường trực HĐND tỉnh đã chấp thuận đề nghị nêu trên tại Công văn số 167/HĐND-PC ngày 19/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Công văn 3496/UBND-NC ngày 25/7/2023, Cơ quan soạn thảo *(Sở Nội vụ)* đã xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết *(gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh)* gửi lấy ý kiến của các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)* và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(theo thủ tục rút gọn)*.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 163/BC-STP ngày 17/8/2023, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, trình UBND tỉnh cho ý kiến hoàn thiện; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục.** Nghị quyết gồm 9 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Điều 3. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

Điều 4. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Điều 5. Việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Điều 6. Mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

Điều 7. Nguồn kinh phí

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Hiệu lực thi hành

**2. Nội dung cơ bản**

**2.1. Về chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã**

Kế thừa các chức danh đã quy định tại Nghị quyết số 20, dự thảo Nghị quyết giữ nguyên 13 chức danh, gồm:

**Khối Đảng:** Có 2 chức danh: Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy; Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận.

**Khối chính quyền:** Có 6 chức danh: Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự; Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em; Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa; Xây dựng, đô thị, môi trường, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.

**Mặt Trận và Hội, đoàn thể:** Có 5 chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam *(áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam, vì trên thực tiễn có 2 phường[[2]](#footnote-2) thuộc thành phố Quảng Ngãi không có tổ chức Hội nông dân)*; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33 quy định: *“****1.*** *Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là* ***14 người****; loại II là* ***12 người****; loại III là* ***10 người****”*; *“****2.*** *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau:* ***a)*** *Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách;* ***b)*** *Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định tại điểm a khoản này thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách”*.

 Do đó, để đảm bảo phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính và số lượng người tăng thêm theo quy mô dân số, diện tích tự nhiên ở từng địa phương tại khoản 1, 2 Điều 33 Nghị định số 33 nêu trên, dự thảo Nghị quyết quy định UBND huyện bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phù hợp tình hình thực tế của địa phương theo hướng: Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhiều hơn số lượng chức danh theo quy định thì bố trí tăng thêm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo từng chức danh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ nhưng không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao ít hơn số chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương bố trí chức danh cho phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhằm đảm bảo các vị trí công tác đều có người đảm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương.

**2.2. Về mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội**

Tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 33 quy định mức khoán quỹ phụ cấp (*bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế*) cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo loại đơn vị hành chính như sau: a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại khoản 2[[3]](#footnote-3) Điều 33 Nghị định 33 thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

Tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33 quy định mức khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau: a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở; b) Đối với các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở; c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện đó.

Tại điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: *“Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương”*.

 Tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 33 quy định: *“Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm” và khoản 4 Điều 34 Nghị định 33 quy định: “**Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm”*.

Trên cơ sở các quy định nêu trên, đề xuất mức phụ cấp, mức hỗ trợ, phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí hoạt động đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33 như sau:

**a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn** *(bao gồm hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế),* cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình độ chuyên môn** | **Mức phụ cấp** *(hệ số x mức lương cơ sở)* |
| **Tổng mức phụ cấp** | **Phụ cấp theo mức khoán** | **Phụ cấp hỗ trợ** |
| Đại học trở lên | 2,34 | 1,5 | 0,84 |
| Cao đẳng | 2,1 | 1,5 | 0,6 |
| Trung cấp | 1,86 | 1,5 | 0,36 |
| Sơ cấp hoặc không có trình độ chuyên môn | 1,5 | 1,5 |  |

Tổng ngân sách chi trả 1 năm khi thực hiện Nghị định số 33 là **100.577.376.000 đồng/năm;** trong đó: ngân sách **Trung ương 73.483.200.000 đồng/năm**, ngân sách **tỉnh là 27.094.176.000 đồng/năm; tăng ngân sách tỉnh 7.790.484.000 đồng/năm** so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP *(cụ thể hóa tại Nghị quyết số 20 và Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh).*

**b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp hàng tháng** **theo trình độ chuyên môn**, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Trình độ chuyên môn** | **Mức phụ cấp** (*hệ số x mức lương cơ sở)* |
| **Tổng mức phụ cấp** | **Phụ cấp theo mức khoán** | **Phụ cấp hỗ trợ** |
| Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Đại học trở lên | 1,8 | 1,5 | 0,3 |
| Cao đẳng | 1,7 | 1,5 | 0,2 |
| Trung cấp | 1,6 | 1,5 | 0,1 |
| Sơ cấp hoặc không có trình độ chuyên môn | 1,5 | 1,5 |  |
| Riêng người hoạt động không chuyên trách ở thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc đơn vị hành chính huyện đảo | Đại học trở lên | 2,15 | 2,0 | 0,15 |
| Cao đẳng | 2,1 | 2,0 | 0,1 |
| Trung cấp | 2,05 | 2,0 | 0,05 |
| Sơ cấp hoặc không có trình độ chuyên môn | 2,0 | 2,0 |  |

Tổng ngân sách chi trả 1 năm khi thực hiện Nghị định số 33 **là 111.870.720.000 đồng/năm**; trong đó,ngân sách **Trung ương là 108.054.000.000 đồng/năm,** ngân sách tỉnh **là 3.816.720.000 đồng/năm**, **giảm ngân sách tỉnh 7.148.772.000 đồng/năm** so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP *(được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 20 và Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh).*

**c) Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

**Phương án 1:**

Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố từ nguồn ngân sách tỉnh*(gồm: Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên*) **được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng** *(****tăng 200.000 đồng*** *so với Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh).*

Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn thuộc huyện **Lý Sơn** **được hỗ trợ 600.000 đồng/người/tháng** *(****tăng 300.000*** *đồng so với Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh, vì thôn thuộc huyện Lý Sơn do thực hiện chính quyền một cấp (không có cấp xã) nên công việc ở thôn nhiều hơn).*

Tổng ngân sách địa phương chi trả 1 năm khi thực hiện Nghị định số 33 là **22.924.800.000 đồng/năm**, **tăng 9.187.200.000 đồng/năm** so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (*được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh)*.

**Phương án 2:**

Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố từ nguồn ngân sách tỉnh*(gồm: Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên*) **được hỗ trợ 0,42 lần mức lương cơ sở/người/tháng (tương ứng 756.000 đồng/người/tháng)** *(****tăng 456.000 đồng*** *so với Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh).*

Tổng ngân sách địa phương chi trả 1 năm khi thực hiện Nghị định số 33 (phương án 2) là **34.618.752.000 đồng/năm**, **tăng 20.881.152.000 đồng/năm** so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (*được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 39 của HĐND tỉnh)* ***(tăng ngân sách tỉnh 11.693.952.000 đồng/năm so với thực hiện phương án 1).***

**d) Việc kiêm nhiệm chức danh và phụ cấp kiêm nhiệm**

Nghị quyết quy định các chức danh được kiêm nhiệm gồm: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức danh kiêm nhiệm cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Phụ cấp kiêm nhiệm: Được hưởng 100% mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

**đ) Mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

Mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã từnguồn ngân sách tỉnh *(gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh):* Giữ nguyên như Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND, cụ thể: Mức khoán kinh phí hoạt động đối với mỗi tổ chức theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã: **Loại 1 là 8 triệu đồng/tổ chức/năm**; **Loại 2 là 7,5 triệu đồng/tổ chức/năm**; **Loại 3 là 7 triệu đồng/tổ chức/năm.**

Tổng mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã do ngân sách tỉnh hỗ trợ là **6.590.000.000** đồng/năm.

Ngoài mức khoán kinh phí hoạt động quy định như trên, tùy theo điều kiện khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xem xét hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế.

**V. DỰ TOÁN KINH PHÍ**

**1. Phương án 1**

**Tổng kinh phí chi trả 1 năm** cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP là: **241.962.896.000 đồng/năm *(hai trăm bốn mươi mốt tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng)***, trong đó **ngân sách** **Trung ương là 181.537.200.000 đồng/năm**, **ngân sách tỉnh là 60.425.696.000 đồng/năm** *(****tăng ngân sách tỉnh 9.828.912.000*** *đồng/năm so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP - chủ yếu là tăng mức hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố)*, cụ thể:

 ĐVT: 1.000 đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đối tượng** | **Tổng ngân sách chi trả 1 năm** | **Trong đó** | **So sánh với ngân sách địa phương chi trả theo NQ20+NQ39** |
| **Ngân sách TW** | **Ngân sách địa phương** |
| 1 | Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã | 100.577.376  | 73.483.200 | 27.094.176 | Tăng 7.790.484 |
| 2 | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố  | 111.870.720 | 108.054.000 | 3.816.720 | Giảm 7.148.772 |
| 3 | Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố *(được hưởng 500.000đ/người/tháng; riêng thôn thuộc huyện Lý Sơn 600.000đ/người/tháng)* | 22.924.800 | 0 | 22.924.800 |  Tăng 9.187.200 |
| 4 | Kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã | 6.590.000 | 0 | 6.590.000 | Không tăng |
|  | **TỔNG CỘNG** | **241.962.896** | **181.537.200** | **60.425.696** | **Tăng 9.828.912** |

**2. Phương án 2** *(trường hợp mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định là 0,42 lần mức lương cơ sở)*

**Tổng kinh phí chi trả 1 năm** cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP là: **253.656.848.000 đồng/năm *(hai trăm năm mươi ba tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng)***, trong đó **ngân sách** **Trung ương là 181.537.200.000 đồng/năm**, **ngân sách tỉnh là 72.119.648.000 đồng/năm** *(****tăng ngân sách tỉnh 21.522.864.000*** *đồng/năm so với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP - chủ yếu là tăng mức hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố)* ***(tăng ngân sách tỉnh 11.693.952.000 đồng/năm so với thực hiện phương án 1)***, cụ thể:

 ĐVT: 1.000 đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đối tượng** | **Tổng ngân sách chi trả 1 năm** | **Trong đó** | **So sánh với ngân sách địa phương chi trả theo NQ20+NQ39** |
| **Ngân sách TW** | **Ngân sách địa phương** |
| 1 | Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã | 100.577.376  | 73.483.200 | 27.094.176 | Tăng 7.790.484 |
| 2 | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | 111.870.720 | 108.054.000 | 3.816.720 | Giảm 7.148.772 |
| 3 | Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố *(được hưởng 0,42 lần mức lương cơ sở/người/tháng)* | 34.618.752 | 0 | 34.618.752 |  Tăng 20.881.152 |
| 4 | Kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã | 6.590.000 | 0 | 6.590.000 | Không tăng |
|  | **TỔNG CỘNG** | **253.656.848** | **181.537.200** | **72.119.648** | **Tăng 21.522.864** |

 *(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)*

 Để có cơ sở trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như trên,- Văn phòng Tỉnh ủy,- CT, các PCT UBND tỉnh,- Sở Nội vụ,- VPUB: CVP, PCVP, CBTH,- Lưu: VT, NC. | **T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG**PHÓ BÍ THƯ **Trần Hoàng Tuấn** |

1. 1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp. Ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp **bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế** để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau: **a)** Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng **21,0** lần mức lương cơ sở; **b)** Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng **18,0** lần mức lương cơ sở; **c)** Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng **15,0** lần mức lương cơ sở.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng **1,5** lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

2. Thực hiện khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngân sách Trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau: **a)** Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng **6,0** lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoán quỹ phụ cấp bằng **6,0** lần mức lương cơ sở; **b)** Đối với các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được khoán quỹ phụ cấp bằng **4,5** lần mức lương cơ sở; **c)** Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện đó. [↑](#footnote-ref-1)
2. Phường Nguyễn Nghiêm và phường Trần Phú. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tăng thêm theo diện tích tự nhiên và quy mô dân số: cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách và cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. [↑](#footnote-ref-3)